

Bản án số: 14/2025/HS-ST
Ngày: 30-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Minh Thor

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nhàn

Ông Trương Văn Phúc

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Kiến Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Du My - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Công N, sinh ngày 13/12/2001 tại tỉnh B; Tên gọi khác: không; Nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Công V, sinh năm 1980 và bà Lê Thị N, sinh năm 1980; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Từng sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thị Mai H, sinh năm 2000 và có 01 người con chung tên Trần Công N1, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam kể từ ngày 08/11/2024 cho đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Ông Nguyễn Vũ S, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Công V, sinh năm 1962 (Có mặt);

Nơi cư trú: ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B.

*** Người làm chứng:**

Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B;

Ông Lê Mộng Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B;

Ông Nguyễn Quốc V, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện G, tỉnh B;

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện G, tỉnh B;
Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1979 (Vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ, ngày 06/11/2024, bị cáo Trần Công N đến Nhà nghỉ A ở ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B uống bia cùng với Nguyễn Thị Trúc L, Lê Mộng Q, Nguyễn Quốc V và Nguyễn Vũ S, trong lúc uống bia bị cáo cho rằng S nhìn đều mình nên bị cáo kêu S ra ngoài nói chuyện, bị cáo N dùng tay đánh ba cái vào mặt S, bị cáo nói: “mày kênh tao nữa không”, S trả lời: “đâu có kênh gì đâu”, bị cáo đi vào trong nhà nghỉ A tiếp tục uống bia cùng với mọi người, S đi theo sau và nói với L: “Nhân làm gì đánh em chị Linh”, L đứng ra hòa giải, bị cáo và Sơn bắt tay nhau và tiếp tục cùng nhau uống bia với mọi người.

Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày 06/11/2024, S đi qua nhà nghỉ A1 thuộc địa phận ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B thuê phòng số 6 để nghỉ ngơi. Khoảng 18 giờ cùng ngày 06/11/2024, bị cáo đến Nhà nghỉ A1 tìm S kiểm chuyện, khi vào trong phòng số 6, bị cáo nói: “còn tiền không, cho mượn hai ba trăm”, Sơn trả lời: “hết rồi”, bị cáo dùng tay đánh S, dùng chân đá S, S đứng dậy, bị cáo lấy trong túi quần ra 01 con dao xép mà bị cáo mang theo trước đó, bị cáo nói: “mày tính đánh lại tao hay gì”, bị cáo đâm mũi dao về phía S trúng vào tay của S, bị cáo tiếp tục dùng tay và chân đánh S làm cho S không còn kháng cự được, bị cáo dùng tay thọt vào bên trong túi quần của S lấy số tiền 7.500.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 của S, bị cáo quay về Nhà nghỉ A gặp L, V, Q; bị cáo ném số tiền 7.500.000 đồng bị cáo vừa cướp được của S xuống nền gạch và nói: “này tôi đánh nó rồi lấy của nó, bà báo Công an đi”, L nhặt hết số tiền bị cáo vừa ném bỏ vào túi quần, bị cáo thọt tay vào túi quần của L lấy lại hết số tiền 7.500.000 đồng rồi bị cáo bỏ đi đến khu vực Cầu Đỏ thuộc địa phận ấp T, xã T, huyện G, tỉnh B đếm lại chỉ còn 3.000.000 đồng, trên đường đi bị cáo đã làm rơi mất 4.500.000 đồng nhưng bị cáo không biết rơi ở đâu.

Khoảng 14 giờ ngày 07/11/2024, bị cáo mang 3.000.000 đồng cùng điện thoại mà bị cáo cướp được của S đến khu vực Cầu Đỏ gặp một người tên Q (bị cáo không rõ họ tên, địa chỉ) để chuộc xe mô tô mà bị cáo cầm trước đó. Đến ngày 08/11/2024, Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm tiến hành mời bị cáo làm việc, bị cáo thừa nhận cướp tiền và điện thoại của S, Cơ quan điều tra tiến hành tạm giữ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Vật chứng:

Bị cáo Trần Công N giao nộp: 01 con dao, loại dao xép, cán dao bằng kim loại màu trắng dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, sắc nhọn, dài 9,5cm; đây là con dao bị cáo dùng để thực hiện hành vi cướp tài sản của S vào ngày 06/11/2024;

01 cái áo sơ mi tay dài, nhãn hiệu “H-T”, nền màu đen, trên áo có nhiều hoa văn

màu vàng; 01 cái quần sọt bằng vải jeans, nhãn hiệu “CASUAL PROJECT”, màu xám; 01 cái mũ lưỡi trai màu đen nhãn hiệu “Dior” là tài sản của bị cáo, ngày 26/02/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL–HĐĐG ngày 05/02/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện Giồng Trôm kết luận như sau: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57, màu đen, tình trạng đã qua sử dụng bị nứt màn hình, cảm ứng vẫn còn sử dụng được, mua tháng 01 năm 2023, giá 800.000 đồng.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 28/25/KLTTCT-TTPYBT ngày 05/02/2025 của Trung tâm Pháp y Bến Tre kết luận thương tích của Nguyễn Vũ S như sau:

1. Các kết quả chính:

- Sạm da gò má trái.
- Sẹo cổ tay trái, kích thước nhỏ.

2. Kết luận:

- Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Vũ S tại thời điểm giám định là: 02% (hai phần trăm) áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Công N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết quả thực nghiệm điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Vũ S yêu cầu bị cáo Trần Công N bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 7.500.000 đồng; S đã nhận đủ số tiền 7.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKSQT ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Trần Công N về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Công N phạm tội “Cướp tài sản”.

- Về trách nhiệm hình sự: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 ; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo Trần Công N từ 05 (năm) tù đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2024.

- Hình phạt bổ sung: không.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại Nguyễn Vũ S đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đề nghị ghi nhận, ngày 26/02/2025 Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo 01 cái áo sơ mi tay dài, nhãn hiệu “H-T”, nền màu đen, trên áo có nhiều hoa văn màu vàng; 01 cái quần sọt bằng vải jeans, nhãn hiệu “CASUAL PROJECT”, màu xám; 01 cái mũ lưỡi trai màu đen nhãn hiệu “Dior” là tài sản của bị cáo;

+ Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao, loại dao xếp, cán dao bằng kim loại màu trắng dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, sắc nhọn, dài 9,5cm; đây là con dao bị cáo dùng để thực hiện hành vi cướp tài sản của S vào ngày 06/11/2024.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 28/4/2025 giữa Cơ quan điều tra với Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Công N khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo đồng ý với kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập; không khiếu nại gì đối với các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Công V trình bày: Vào ngày 20/02/2025, ông có thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại Nguyễn Vũ S số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền bồi thường là của ông cho bị cáo, ông không có yêu cầu bị cáo phải trả lại, cũng không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Công N và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Vũ S, người làm chứng bà Nguyễn Thị Trúc L, ông Lê Mộng Q, ông Nguyễn Quốc V, ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị C vắng mặt. Ông Vũ S, bà L, ông Q, ông S, bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Bị cáo N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V không có ý kiến, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng. Xét thấy, trong quá trình điều tra, bị hại, người làm chứng đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt họ không gây trở ngại cho

việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác; kết luận định giá tài sản; kết quả khám nghiệm hiện trường cùng các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ, ngày 06/11/2024 tại phòng số 6 Nhà nghỉ A1 ở ấp M, xã L, huyện G, tỉnh B, bị cáo có hành vi dùng tay, chân đánh bị hại S, dùng dao là phương tiện nguy hiểm tấn công bị hại S làm cho bị hại S lâm vào tình trạng không thể chống cự được để chiếm đoạt số tiền 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 của bị hại S có giá trị 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt của bị hại S là 8.300.000 (tám triệu ba trăm nghìn) đồng. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do đó, hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết là “sử dụng phương tiện nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo Nhân là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội:

Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo đã có hành vi dùng vũ lực, dùng hung khí tấn công bị hại để chiếm đoạt tài sản rồi tẩu thoát, trong khi tài sản đang trong tầm quản lý của bị hại. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương nơi xảy ra vụ án làm cho người dân bất an, gây tâm lý hoang mang lo sợ không yên tâm trong lao động sản xuất, vì vậy đối với bị cáo cần phải nghiêm trị. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất mức độ hành vi của bị cáo để đưa ra mức hình phạt thích đáng, để răn đe và giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác và ngăn ngừa hành vi tương tự ngoài xã hội.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo N chưa có tiền án, tiền sự nên xác định có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bà cố tên Cao Thị H được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có ông nội tên Trần Công V được Nhà nước tặng Huân Chương chiến công Hạng Ba; bị cáo đang nuôi con chưa thành niên. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo N gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định là điều cần thiết nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo sau này trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức chấp hành pháp luật, đồng thời để răn đe phòng ngừa tội phạm.

[7] Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo có đủ điều kiện để Hội đồng xét xử quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Vũ S yêu cầu bị cáo Trần Công N bồi thường toàn bộ thiệt hại với số tiền 7.500.000 đồng; bị hại S đã nhận đủ số tiền 7.500.000 đồng và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã trả cho bị cáo 01 cái áo sơ mi tay dài, nhãn hiệu “H-T”, nền màu đen, trên áo có nhiều hoa văn màu vàng; 01 cái quần sọt bằng vải jeans, nhãn hiệu “CASUAL PROJECT”, màu xám; 01 cái mũ lưỡi trai màu đen nhãn hiệu “Dior” là phù hợp nên ghi nhận.

Đối với 01 con dao, loại dao xếp, cán dao bằng kim loại màu trắng dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, sắc nhọn, dài 9,5cm, do đây là con dao bị cáo N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[11] Ngày 06/11/2024, bị cáo N còn thực hiện hành vi xâm hại sức khỏe của Nguyễn Vũ S nên Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05/QĐ-XPHC ngày 20/12/2024 đối với bị cáo N về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[13] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo N về tội danh; điều luật áp dụng; nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Công N phạm tội “Cướp tài sản”.
2. Về hình phạt: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Phạt bị cáo Trần Công N 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 08/11/2024.

3. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã trả cho bị cáo 01 cái áo sơ mi tay dài, nhãn hiệu “H-T”, nền màu đen, trên áo có nhiều hoa văn màu vàng; 01 cái quần sọt bằng vải jeans, nhãn hiệu “CASUAL PROJECT”, màu xám; 01 cái mũ lưỡi trai màu đen nhãn hiệu “Dior”;

Tịch thu, tiêu hủy: 01 con dao, loại dao xếp, cán dao bằng kim loại màu trắng dài 13cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, sắc nhọn, dài 9,5cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/4/2025, hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Trần Công N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bến Tre;
- UBND xã M;
- UBND xã L;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Minh Thơ

